

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Hà Nội,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ
DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
0104285261

Reason: I am the author of this
document

Location:

Date: 2023-03-24 16:29:41

Foxit Reader Version: 9.0.0

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103042561, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 11 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 30 tháng 06 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số nhà A86 – TT9, Khu đô thị mới Văn Quán – Yên Phúc, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 0246 660 2550
- Fax : 0243 354 5647

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Xây dựng các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp đến 500kV; Quản lý và vận hành các toà nhà văn phòng, khu đô thị mới, chung cư.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Trần Xuân Chính	Chủ tịch	Ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Xuân Minh	Thành viên	Ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Ngô Đình Khương	Thành viên	Ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Công Tinh	Thành viên	Ngày 26 tháng 4 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Quang Hưng	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Đinh Hữu Phương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Ngọc Tân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Xuân Minh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 4 năm 2019
Ông Đặng Vũ Quyền	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Cao Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Xuân Minh - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Trần Xuân Minh

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

Số: 2.0205/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2023, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Hà Nội**

Nguyễn Thị Tư – Thành viên Ban Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0059-2023-008-1
Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 4028-2022-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		134.982.042.726	128.603.261.299
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.020.747.359	2.234.391.870
1. Tiền	111		10.020.747.359	2.234.391.870
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		109.998.527.484	90.549.490.443
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	98.267.494.794	77.702.706.179
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.721.850.391	2.608.790.127
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	9.401.089.711	10.629.901.549
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(391.907.412)	(391.907.412)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		14.962.767.883	35.819.378.986
1. Hàng tồn kho	141	V.5	14.962.767.883	35.819.378.986
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.241.948.970	9.784.518.531
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		26.440.000	26.440.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	26.440.000	26.440.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.206.703.523	9.670.895.379
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	6.119.769.117	7.583.960.973
Nguyên giá	222		24.255.653.812	24.245.653.812
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.135.884.695)	(16.661.692.839)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	2.086.934.406	2.086.934.406
Nguyên giá	228		2.086.934.406	2.086.934.406
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.805.447	87.183.152
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		8.805.447	87.183.152
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		143.223.991.696	138.387.779.830

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		92.593.327.834	89.895.850.102
I. Nợ ngắn hạn	310		92.553.327.834	89.855.850.102
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	50.642.739.334	32.404.847.827
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	10.804.162.742	21.962.306.674
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	2.358.759.552	4.353.357.275
4. Phải trả người lao động	314		11.359.418.115	3.758.018.954
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	2.029.789.094	13.059.828.741
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	5.287.883.170	5.203.237.974
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	6.996.783.420	4.727.768.501
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.14	2.184.942.010	3.531.713.684
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	888.850.397	854.770.472
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		40.000.000	40.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	40.000.000	40.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		50.630.663.862	48.491.929.728
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	50.630.663.862	48.491.929.728
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.628.649.803	15.628.649.803
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.002.014.059	2.863.279.925
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	2.863.279.925
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.002.014.059	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		143.223.991.696	138.387.779.830

Người lập biểu



Quan Thiệu Nga

Kế toán trưởng



Ngô Đình Khương

Lập, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Trần Xuân Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	311.163.761.991	271.232.478.120
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		311.163.761.991	271.232.478.120
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	291.902.951.470	256.090.791.370
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.260.810.521	15.141.686.750
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12.819.863	20.450.756
7. Chi phí tài chính	22		231.076.420	98.714.410
Trong đó: chi phí lãi vay	23		231.076.420	98.714.410
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	13.777.921.162	12.397.207.867
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.264.632.802	2.666.215.229
11. Thu nhập khác	31	VI.5	1.403.816.130	938.133.808
12. Chi phí khác	32	VI.6	317.928.687	8.199.305
13. Lợi nhuận khác	40		1.085.887.443	929.934.503
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.350.520.245	3.596.149.732
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.10	1.348.506.186	732.869.807
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.002.014.059	2.863.279.925
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	1.501	800
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	1.501	800

Lập, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Quan Thiệu Nga

Ngô Đình Khương

Trần Xuân Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.350.520.245	3.596.149.732
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.6	1.514.636.312	1.775.880.679
- Các khoản dự phòng	03 VI.5	(1.346.771.674)	(937.224.717)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(57.044.456)	(11.888.489)
- Chi phí lãi vay	06	231.076.420	98.714.410
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.692.416.847	4.521.631.615
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(19.449.037.041)	(20.115.540.630)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	20.856.611.103	6.544.930.292
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	1.031.299.583	(13.713.265.721)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	78.377.705	(27.711.940)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(231.076.420)	(98.714.410)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.10	(735.686.207)	(764.571.084)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.15	(429.200.000)	(244.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.813.705.570	(23.897.541.878)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(66.000.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22 VI.5	72.600.000	909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27 VI.3	-	10.979.398
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.600.000	11.888.489

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.13	17.052.889.180	6.647.800.791
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.13	(14.783.874.261)	(1.920.032.290)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.302.965.000)	(2.298.485.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.950.081)	2.429.283.501
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		7.786.355.489	(21.456.369.888)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.234.391.870	23.690.761.758
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	10.020.747.359	2.234.391.870

Người lập biểu



Quynh Thieu Nga

Kế toán trưởng



Ngô Đình Khương

Lập, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Trần Xuân Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Xây dựng và hoàn thiện công trình đường dây tải điện và trạm biến áp đến 500KV; Quản lý và vận hành các tòa nhà văn phòng, khu đô thị mới, chung cư.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 134 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 146 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ phân bổ đã đưa vào sử dụng, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc và thiết bị	05 - 13
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ gồm quyền sử dụng đất, là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ gồm dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 3% trên doanh thu đã ghi nhận của công trình đã quyết toán. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy: Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	370.389.739	261.285.827
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.650.357.620	1.973.106.043
Cộng	10.020.747.359	2.234.391.870

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	6.244.935.367	10.453.483.121
Ban quản lý Dự án các công trình điện Miền Bắc	35.366.649.534	21.803.153.268
Ban quản lý Dự án Phát triển điện lực -TCT Điện lực Miền Bắc	-	4.078.324.692
Ban quản lý Dự án các công trình điện Miền Nam	30.932.417.108	12.972.784.875
Ban quản lý Dự án các công trình điện Miền Trung	21.249.060.038	23.787.552.968
Các khách hàng khác	4.474.432.747	4.607.407.255
Cộng	98.267.494.794	77.702.706.179

3. Phải thu khác**3a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng cho CBNV là bên liên quan	4.482.447.319	2.752.679.000
Tạm ứng cho CBNV khác	2.744.339.485	5.272.219.564
Các khoản chi hộ tiền đền bù dự án	140.226.000	539.376.000
Các khoản chi hộ tiền vật tư, nhân công cho Công ty Cổ phần Sông Đà 12	2.007.036.000	2.007.036.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	27.040.907	58.590.985
Cộng	9.401.089.711	10.629.901.549

3b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Sông Đà 11, đã quá hạn trên 3 năm.

Trong năm, không phát sinh biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	39.963.011	360.348.847
Nguyên liệu, vật liệu	2.031.461.421	10.905.357.821
Công cụ, dụng cụ	25.501.934	39.963.301
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.865.841.517	24.513.709.017
Trong đó:		
Công trình trạm biến áp 220 KV Sơn Động	-	4.490.132.018
Công trình trạm biến áp và đường dây 500 KV Độc Sỏi - Pleiku	-	4.604.694.545
Công trình đường dây 500 KV Sông Hậu - Đức Hòa	1.244.560.000	3.347.676.364
Công trình Trạm biến áp 220kV Châu Thành	-	3.580.891.905
Công trình Đường dây 220kV Nhiệt Điện - HD G14	3.185.944.545	1.200.528.182
Công trình TBA 220kV Yên Mỹ	2.892.535.668	563.656.364
Công trình đường dây 500 KV Quảng Trạch	4.219.345.455	2.652.035.253
Cộng	14.962.767.883	35.819.378.986

6. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	16.893.142.394	2.835.596.364	4.480.145.454	36.769.600	24.245.653.812
Mua trong năm	-	66.000.000	-	-	66.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(56.000.000)	-	-	(56.000.000)
Số cuối năm	16.893.142.394	2.845.596.364	4.480.145.454	36.769.600	24.255.653.812
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	58.492.000	936.687.273	4.480.145.454	36.769.600	5.512.094.327
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	10.094.225.339	2.050.552.446	4.480.145.454	36.769.600	16.661.692.839
Khấu hao trong năm	1.122.310.032	392.326.280	-	-	1.514.636.312
Thanh lý, nhượng bán	-	(40.444.456)	-	-	(40.444.456)
Số cuối năm	11.216.535.371	2.402.434.270	4.480.145.454	36.769.600	18.135.884.695
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	6.798.917.055	785.043.918	-	-	7.583.960.973
Số cuối năm	5.676.607.023	443.162.094	-	-	6.119.769.117
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại Lô A86 – TT9, Khu Đô thị mới Văn Quán – Yên Phúc, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội và tại Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Toàn bộ giá trị của tài sản cố định vô hình này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Trung.

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại & Kỹ thuật ACT	1.212.535.797	2.107.274.074
Công ty Cổ phần Cột thép mạ kẽm Thái Nguyên	10.765.190.604	-
Công ty TNHH Toàn Thành Đô	2.429.814.429	2.465.026.473
Công ty TNHH Xây lắp Điện lực Bắc Miền Trung	5.192.795.505	277.669.920
Công ty TNHH MTV Xây dựng TMDV Lý Tâm Liên	6.950.612.976	-
Tổng Công ty Sông Đà – CTCP	2.300.233.983	2.300.233.983
Các nhà cung cấp khác	21.791.556.040	25.254.643.377
Cộng	50.642.739.334	32.404.847.827

9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban quản lý dự án Các công trình Điện Miền Nam	2.982.764.790	3.859.729.937
Ban quản lý dự án Các công trình Điện Miền Trung	-	9.722.821.549
Ban quản lý dự án Các công trình Điện Miền Bắc	7.578.665.631	7.358.449.747
Các khách hàng khác	242.732.321	1.021.305.441
Cộng	10.804.162.742	21.962.306.674

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.387.770.427	5.967.467.122	(8.683.932.644)	671.304.905
Thuế thu nhập doanh nghiệp	732.869.807	1.348.506.186	(735.686.207)	1.345.689.786
Thuế thu nhập cá nhân	218.728.462	349.603.678	(226.567.279)	341.764.861
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	13.988.579	308.983.356	(322.971.935)	-
Cộng	4.353.357.275	7.977.560.342	(9.972.158.065)	2.358.759.552

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.350.520.245	3.596.149.732
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	377.928.687	68.199.305
- Các khoản điều chỉnh tăng	377.928.687	68.199.305
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	6.728.448.932	3.664.349.037
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.345.689.786	732.869.807
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	2.816.400	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	1.348.506.186	732.869.807

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí các công trình trích trước	-	6.157.601.955
Chi phí quản lý tòa nhà trích trước	2.029.789.094	6.902.226.786
Cộng	2.029.789.094	13.059.828.741

12. Phải trả khác**12a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	123.036.288	287.506.285
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	-	196.905.475
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	8.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.324.275.000	1.227.240.000
Tiền đáng phí phải nộp	432.177.649	439.447.726
Phải trả các tổ đội	2.463.215.265	2.520.796.178
Các khoản phải trả, phải nộp khác	945.178.968	523.342.310
Cộng	5.287.883.170	5.203.237.974

12b. Phải trả dài hạn khác.

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược.

13. Vay ngắn hạn

Là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung theo hợp đồng cho vay hạn mức số 77/2021-HĐCVHM/NHCT324-XLDVSD ngày 31 tháng 01 năm 2022, hạn mức cho vay tại mọi thời điểm không vượt quá 20.000.000.000 VND. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, năm 2022 là 9,5%/năm. Thời hạn vay 130 ngày mỗi lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và xe ô tô.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	4.727.768.501	-
Số tiền vay phát sinh	17.052.889.180	6.647.800.791
Số tiền vay đã trả	(14.783.874.261)	(1.920.032.290)
Số cuối năm	6.996.783.420	4.727.768.501

Công ty có khả năng trả được khoản vay ngắn hạn.

14. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là dự phòng bảo hành của các công trình xây lắp. Chi tiết như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công trình Đà Nẵng - Quảng Ngãi	2.184.942.010	2.184.942.010
Công trình TBA 220kV Lưu Xá	-	1.346.771.674
Cộng	2.184.942.010	3.531.713.684

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	514.770.472	463.279.925	(429.200.000)	548.850.397
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	340.000.000	-	-	340.000.000
Cộng	854.770.472	463.279.925	(429.200.000)	888.850.397

16. Vốn chủ sở hữu**16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	30.000.000.000	15.628.649.803	2.591.029.760	48.219.679.563
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	2.863.279.925	2.863.279.925
Trích lập các quỹ	-	-	(191.029.760)	(191.029.760)
Chia cổ tức	-	-	(2.400.000.000)	(2.400.000.000)
Số dư cuối năm trước	30.000.000.000	15.628.649.803	2.863.279.925	48.491.929.728
Số dư đầu năm nay	30.000.000.000	15.628.649.803	2.863.279.925	48.491.929.728
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	5.002.014.059	5.002.014.059
Trích lập các quỹ	-	-	(463.279.925)	(463.279.925)
Chia cổ tức	-	-	(2.400.000.000)	(2.400.000.000)
Số dư cuối năm nay	30.000.000.000	15.628.649.803	5.002.014.059	50.630.663.862

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Trần Xuân Chính	5.182.500.000	5.182.500.000
Ông Trần Xuân Minh	3.323.250.000	3.323.250.000
Ông Ngô Đình Khương	3.239.500.000	3.239.500.000
Nguyễn Anh Tuấn	3.300.500.000	3.300.500.000
Các cổ đông khác	14.954.250.000	14.954.250.000
Cộng	30.000.000.000	30.000.000.000

16c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

16d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 như sau:

	<u>VND</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông (8%)	: 2.400.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 463.279.925

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	43.770.099.843	44.660.919.064
Doanh thu hoạt động xây lắp	267.393.662.148	226.571.559.056
Cộng	311.163.761.991	271.232.478.120

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	39.288.142.515	41.258.387.543
Giá vốn hoạt động xây lắp	252.614.808.955	214.832.403.827
Cộng	291.902.951.470	256.090.791.370

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	10.979.398
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	12.819.863	9.471.358
Cộng	12.819.863	20.450.756

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	9.813.304.981	8.866.843.638
Chi phí vật liệu quản lý	542.954.750	376.208.956
Chi phí đồ dùng văn phòng	169.553.115	142.392.687
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.149.310.049	1.352.272.962
Thuế, phí và lệ phí	5.877.301	3.275.521
Chi phí dịch vụ mua ngoài	731.872.458	999.433.265
Các chi phí khác	1.365.048.508	656.780.838
Cộng	13.777.921.162	12.397.207.867

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	57.044.456	909.091
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	1.346.771.674	937.224.717
Cộng	1.403.816.130	938.133.808

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	298.903.624	8.199.305
Phạt chậm nộp bảo hiểm	5.534.416	-
Tiền phạt vi phạm hành chính	13.490.647	-
Cộng	317.928.687	8.199.305

7. Lãi trên cổ phiếu**7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.002.014.059	2.863.279.925
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(500.201.406)	(463.279.925)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	4.501.812.653	2.400.000.000
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.501	800

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi năm nay được tạm tính theo quy định trong điều lệ công ty là 10% lợi nhuận kế toán sau thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7b. Thông tin khác

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do điều chỉnh lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2022, làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 859 VND/CP xuống 800 VND/CP.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	99.505.172.533	99.463.692.167
Chi phí nhân công	59.932.651.810	50.623.586.988
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.514.636.312	1.775.880.679
Chi phí dịch vụ mua ngoài	128.314.960.157	96.912.559.151
Chi phí khác	4.765.584.320	5.067.345.576
Cộng	294.033.005.132	253.843.064.561

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty chỉ bao gồm các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Ban Tổng giám đốc		
Tạm ứng	3.969.600.000	1.240.000.000
Hoàn tạm ứng	1.590.663.560	352.500.000
Thành viên Ban kiểm soát		
Tạm ứng	2.786.623.268	2.000.000.000
Hoàn tạm ứng	4.861.230.085	2.870.400.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại Thuyết minh số V.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

		Tiền lương	Thù lao	Cổ tức	Cộng thu nhập
Năm nay					
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc					
Ông Trần Xuân Chính	Chủ tịch	564.834.091	72.000.000	414.600.000	1.051.434.091
Ông Trần Xuân Minh	Thành viên/ Tổng Giám đốc	542.618.182	60.000.000	265.860.000	868.478.182
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	436.455.132	60.000.000	264.040.000	760.495.132
Ông Ngô Đình Khương	Thành viên/ Kế toán trưởng	434.450.000	60.000.000	259.160.000	753.610.000
Ông Lê Công Tinh	Thành viên		60.000.000	4.600.000	64.600.000
Ông Đặng Vũ Quyền	Phó Tổng Giám đốc	344.614.831	-	57.760.000	402.374.831
Ông Nguyễn Cao Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	435.068.182	-	15.560.000	450.628.182
Ban kiểm soát					
Ông Trần Quang Hưng	Trưởng Ban	202.939.447	48.000.000	940.000	251.879.447
Ông Đinh Hữu Phương	Thành viên	306.023.850	36.000.000	44.600.000	386.623.850
Ông Trần Ngọc Tân	Thành viên	305.664.700	36.000.000	42.760.000	384.424.700
Cộng		3.572.668.415	432.000.000	1.369.880.000	5.374.548.415

Năm trước**Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Xuân Chính	Chủ tịch	481.762.500	72.000.000	414.600.000	968.362.500
Ông Trần Xuân Minh	Thành viên/ Tổng Giám đốc	428.856.818	60.000.000	265.860.000	754.716.818
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	376.891.495	60.000.000	264.040.000	700.931.495
Ông Ngô Đình Khương	Thành viên/ Kế toán trưởng	375.434.727	60.000.000	259.160.000	694.594.727
Ông Lê Công Tinh	Thành viên	-	60.000.000	4.600.000	64.600.000
Ông Đặng Vũ Quyền	Phó Tổng Giám đốc	315.502.593	-	57.760.000	373.262.593
Ông Nguyễn Cao Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	376.836.364	-	15.560.000	392.396.364

Ban kiểm soát

Ông Trần Quang Hưng	Trưởng Ban	188.439.700	48.000.000	20.940.000	257.379.700
Ông Đinh Hữu Phương	Thành viên	251.450.914	36.000.000	44.600.000	332.050.914
Ông Trần Ngọc Tân	Thành viên	251.026.464	36.000.000	42.760.000	329.786.464
Cộng		3.046.201.575	432.000.000	1.389.880.000	4.868.081.575

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại dịch vụ: quản lý tòa nhà
- Lĩnh vực xây lắp: xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực xây lắp	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	43.770.099.843	267.393.662.148	311.163.761.991
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.770.099.843	267.393.662.148	311.163.761.991
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.481.957.328	14.778.853.193	19.260.810.521
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(13.777.921.162)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			5.482.889.359
Doanh thu hoạt động tài chính			12.819.863
Chi phí tài chính			(231.076.420)
Thu nhập khác			1.403.816.130
Chi phí khác			(317.928.687)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.348.506.186)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			5.002.014.059
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	66.000.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	161.668.619	1.431.345.398	1.593.014.017
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	44.660.919.064	226.571.559.056	271.232.478.120
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.660.919.064	226.571.559.056	271.232.478.120
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.402.531.521	11.739.155.229	15.141.686.750
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(12.397.207.867)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			2.744.478.883
Doanh thu hoạt động tài chính			20.450.756
Chi phí tài chính			(98.714.410)
Thu nhập khác			938.133.808
Chi phí khác			(8.199.305)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(732.869.807)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			2.863.279.925
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	222.664.165	1.553.216.514	1.775.880.679

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực xây lắp	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	7.985.883.511	115.248.875.229	123.234.758.740
Tài sản phân bổ cho bộ phận			-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			19.989.232.956
Tổng tài sản			143.223.991.696
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	4.279.277.612	78.069.656.853	82.348.934.465
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			10.244.393.369
Tổng nợ phải trả	4.279.277.612	78.069.656.853	92.593.327.834
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	13.223.081.175	108.369.472.856	121.592.554.031
Tài sản phân bổ cho bộ phận			-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			16.795.225.799
Tổng tài sản			138.387.779.830
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	8.350.887.035	66.914.156.470	75.265.043.505
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			14.630.806.597
Tổng nợ phải trả	8.350.887.035	66.914.156.470	89.895.850.102

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu



Quynh Thieu Nga

Kế toán trưởng



Ngô Đình Khương

Tổng Giám đốc



Trần Xuân Minh

